

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 19/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 28

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, chư Bồ-tát ở thế giới phương khác, nghe danh hiệu con, chứng pháp ly sanh, đắc đà-ra-ni. Thanh tịnh hoan hỷ, được bình đẳng trụ, tu hạnh Bồ-tát, đầy đủ cội đức, ngay tức thời nếu không đạt được một, hai, ba thứ nhĩn, đối với các Phật pháp, không thể chứng ngay bất thoái chuyển, thì con không thành Chánh giác.

Mời xem năm câu kinh văn đầu:

“Khi con thành Phật, chư Bồ-tát ở thế giới phương khác, nghe danh hiệu con, chứng pháp ly sanh, đắc đà-ra-ni.”

Đây là nguyện thứ bốn mươi sáu: nguyện đắc đà-ra-ni.

Các Bồ-tát ở thế giới phương khác, nghe danh hiệu con, liền có thể chứng nhập pháp ly sanh. “Ly sanh” chính là lìa khỏi sanh tử. Hành nhân Tam thừa đoạn kiến hoặc, tư hoặc, mới có thể lìa khỏi sanh tử của tam giới, chứng pháp ly sanh. Hoặc của Bồ-tát, đoạn kiến hoặc, tư hoặc là bước đầu, còn có trần sa hoặc, vô minh hoặc, tổng cộng ba hoặc. Nghe danh không những ly sanh, mà quan trọng hơn đó là “đắc đà-ra-ni”.

Dưới đây bổ sung giải thích bốn ý nghĩa của đà-ra-ni:

1. Pháp đà-ra-ni: Đối với tất cả giáo pháp của Thế Tôn, nghe rồi có thể trì, không bao giờ quên mất.

2. Nghĩa đà-ra-ni: Đối với nghĩa chân thật của tất cả pháp, có thể tổng trì không quên.

3. Chú đà-ra-ni: Chú còn gọi là chân ngôn, đối với chú đã nghe, không quên.

4. Nhẫn đà-ra-ni: Có thể an trụ trong thật tướng các pháp, gọi là nhẫn đà-ra-ni, cũng chính là an trụ trong cảnh giới thật tướng, an trụ trong cảnh giới pháp thân. Thiền tông gọi là phá trùng quan, lại phá một quan nữa, thì thấy ngang bằng Phật, gọi là “pháp thân mộc mạc”. Ngang bằng với pháp thân của chư Phật, có điều vạn đức vẫn chưa viên mãn, còn thiếu trang nghiêm, cho nên gọi là “pháp thân mộc mạc”. Bồ-tát mười phương nghe danh hiệu Phật, liền an trụ vào thật tướng các pháp, thật sự là vô thượng thù thắng.

Mời xem năm câu kinh văn giữa:

“Thanh tịnh hoan hỷ, được bình đẳng trụ, tu hạnh Bồ-tát, đầy đủ cội đức, ngay tức thời nếu không đạt được một, hai, ba thứ nhẫn.”

Đây là nguyện thứ bốn mươi bảy: nguyện nghe danh đặc nhẫn.

“Thanh tịnh” chỉ cho vốn không bị nhiễm trước.

“Hoan hỷ” chỉ cho sự vui mừng trong tâm, tịch diệt là vui.

“Bình đẳng”, kinh Kim Cang nói: “Pháp này bình đẳng, không có cao thấp.” An trụ trong pháp bình đẳng, tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không khác.

“Được bình đẳng trụ”, dùng pháp môn Tịnh độ bình đẳng phổ độ, tự giác giác tha, ban cho lợi ích chân thật là “tu hạnh Bồ-tát”. Sự tu hành như vậy tự nhiên đầy đủ gốc công đức của tất cả quả Phật. Do đó, gọi là “đầy đủ cội đức”.

“Ngay tức thời” chỉ cho ngay lúc đó, lập tức.

“Một, hai, ba thứ nhẫn”, là đệ nhất nhẫn, đệ nhị nhẫn, đệ tam nhẫn.

Trong bản dịch thời Ngụy nói: Sau khi con thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu con, “nếu không được vô sanh pháp nhẫn, các pháp tổng trì thâm sâu của Bồ-tát, thì con không thành Chánh giác”. Bản dịch thời Tống nói: “Người nghe danh hiệu con, tức thời liền đắc sơ nhẫn, nhị nhẫn, cho đến vô sanh pháp nhẫn, thành tựu A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”. Do đó, đệ tam nhẫn chính là vô sanh pháp nhẫn.

Vô sanh pháp nhãn gọi tắt là vô sanh nhãn. Trí tuệ chân thật, an trụ vào lý thể thật tướng không sanh không diệt mà không lay động, cũng tức là an trụ như như bất động vào trí tuệ lý thể thật tướng vốn không sanh diệt, thì gọi là vô sanh pháp nhãn.

Đại Trí Độ Luận nói: “Vô sanh pháp nhãn là đối với thật tướng các pháp không sanh không diệt, tin nhận thông đạt, vô ngại bất thoái, thì gọi là vô sanh nhãn.” Trong Đại Trí Độ Luận nói: Đối với thật tướng các pháp vốn không sanh diệt, có thể “tin nhận”, nghe rồi liền sanh niềm tin, như lời dạy mà phụng hành; “thông đạt” là lý giải dung thông; “vô ngại” là không có chướng ngại, mâu thuẫn; “bất thoái” là tiến lên không lùi, như vậy gọi là vô sanh pháp nhãn. Căn cứ vào hai bản dịch thời Nguyên và thời Tống của kinh này, đệ tam nhãn chính là vô sanh pháp nhãn, không được sanh nghi. Lại trong phẩm 15 của kinh này, thấy cây bồ-đề liền đắc ba loại nhãn: một là âm hưởng nhãn; hai là nhu thuận nhãn; ba là vô sanh pháp nhãn; ba loại nhãn này chính là “một, hai, ba thứ nhãn” trong lời nguyện này.

Đại sĩ Long Thọ nói, Bồ-tát từ Sơ địa trở lên cũng có thể đắc vô sanh nhãn. Nhưng căn cứ trong kinh Nhân Vương và Địa kinh nói, vô sanh pháp nhãn là ở địa vị Bồ-tát Thất địa, Bát địa, Cửu địa. Do đó thường nói là Bồ-tát Bát địa và Bồ-tát từ Bát địa trở lên thật sự đạt được vô sanh pháp nhãn. Cho nên nói pháp môn Tịnh độ là cực viên cực đốn. Tại sao có nhiều người không tin? Bởi vì họ không thể tin nhận. Các vị hôm nay có lẽ đã tin, nhưng tương lai có thể thoái chuyển hay không? Điều này cũng không chắc. Mọi người phải biết, đây là một pháp cực kỳ khó tin. Có thể thấy, các vị Bồ-tát sơ phát tâm ở cõi Phật của họ, vừa nghe đến danh hiệu Di-đà, liền chứng ngay vô sanh pháp nhãn, trở thành Bồ-tát Địa thượng, công đức nghe danh thật không thể nghĩ bàn.

Mời xem ba câu kinh văn sau:

“Đối với các Phật pháp, không thể chứng ngay bất thoái chuyển, thì con không thành Chánh giác.”

Đây là nguyện thứ bốn mươi tám: nguyện chứng ngay bất thoái chuyển.

Tất cả Bồ-tát ở cõi Phật phương khác vừa nghe đến danh hiệu của A-di-đà Phật, liền chứng bất thoái chuyển, trở thành A-bệ-bạt-trí. Trong kinh Nhân Vương nói: Bồ-tát Tín vị của Biệt giáo, còn gọi là Bồ-tát Khinh mao, giống như một sợi lông chim trong gió, theo gió mà lên xuống không định, chạy đông chạy tây. Hôm

nay tin, không biết ngày mai sẽ ra sao. Tín tâm của bạn, ngay cả bạn cũng không thể nắm chắc hoàn toàn, chỉ khi đạt đến Bồ-tát Trụ vị thì mới được. Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Trứng cá, hoa am-la, Bồ-tát sơ phát tâm, ba việc này lúc ở nhân thì nhiều, khi kết quả lại ít.” Trong bụng cá có rất nhiều trứng cá, nhưng số có thể trở thành cá thì rất ít; hoa am-la nở rất nhiều, nhưng kết quả lại rất ít; Bồ-tát sơ phát tâm rất nhiều, nhưng người có thể thành Phật lại rất ít.

Trong kinh Thập Trụ Bồ-tát Đoạn Kiết nói, ngài Xá-lợi-phất trong 60 kiếp, từng lên xuống giữa Sơ trụ và Lục trụ, cuối cùng vẫn không đạt được bất thoái chuyển. Nay nhờ sức mạnh của biển đại thế nguyện của Di-đà, Bồ-tát phương khác vừa nghe đến danh hiệu Phật, liền chứng bất thoái chuyển, đây thực là diệu dụng rất ráo khó nghĩ bàn của biển nguyện Nhất thừa. “Bất thoái chuyển” ở đây cùng với “vô sanh pháp nhẫn” được đồng nhắc đến, có thể chứng minh đó là “niệm bất thoái” trong bất thoái chuyển, niệm niệm đều chảy vào biển tát-bà-nhã của Như Lai. Công đức, nguyện lực của Di-đà nguyện vương không thể nghĩ bàn.

Do pháp môn Tịnh độ vô cùng thù thắng, chúng sanh thời mạt pháp thực sự khó sanh tín tâm. Chúng ta nên nghĩ rằng, Như Lai là bậc chân ngữ, bậc thật ngữ, không cần phải lừa dối chúng ta làm gì. Phật lừa dối chúng ta để làm gì? Ngài muốn làm vua sao? Ngôi báu của vua, ngài đã vứt bỏ từ lâu. Trước khi thành Phật, ngài tu khổ hạnh, sau khi thành Phật vẫn là khát thực, thường xuyên dẫn đệ tử đi khát thực trên đường, từ nơi này sang nơi khác. Một vị thái tử đã từ bỏ tất cả, là vì cái gì? Chỉ là để độ chúng ta. Ngài lừa chúng ta để làm gì? Vì vậy đối với pháp môn Tịnh độ, chúng ta nên sanh lòng tin chân thật.

A-di-đà Phật, vua của các đại nguyện, 48 nguyện thù thắng, chính là sự lưu lộ của bốn tâm viên minh vạn đức của Di-đà, mỗi nguyện đều vượt ngoài tình kiến, vọng tâm của chúng sanh chẳng thể suy lường ước đoán, đây là phương tiện thù thắng triệt để, không một nguyện nào không vì lợi ích chân thật vĩnh hằng thù thắng cho tất cả chúng sanh. Cổ đức nói, mỗi một nguyện đều vì làm lợi ích cho hữu tình; mỗi một nguyện đều nguyện cùng chúng sanh rốt ráo thành Phật. Hai câu này đã chỉ ra thánh tâm của Di-đà. Đại nguyện Di-đà, nói tóm lược là 48 nguyện, nếu nói chi tiết thì có thể là bốn vạn tám ngàn nguyện v.v., vô lượng nguyện. Biển đại thế nguyện của Di-đà còn gọi là biển nguyện Nhất thừa. Biển nguyện Nhất thừa là báu trong các

báu, vua trong các vua, tâm trong các tâm, diệu trong các diệu của pháp môn Tịnh độ, dầu có ức miệng ức lưỡi cũng không thể tán thán hết toàn bộ đại nguyện.

Như một tâm gấm vóc sáng ngời rực rỡ, tinh xảo tuyệt trần, mỗi lời nguyện đều như những hoa văn thêu trên gấm, như là quả đào tiên, Phật thủ, hoa sen, mẫu đơn, hạc tiên, khổng tước, đều vô cùng mỹ diệu. Tuy vẻ đẹp khác nhau, chi tiết đa dạng, song chỉ do hai đường chỉ ngang và dọc dệt thành toàn bộ bức tranh xinh đẹp.

Một đường là: trải hết số kiếp vị lai, khắp mười phương hư không, tất cả cõi nước, tất cả chúng sanh, không phân biệt chủng loại, chẳng kể thiện ác trí ngu, dù là chúng sanh đường ác, đều nhất loạt bình đẳng nhiếp thọ giáo hóa, gia trì tiếp dẫn, khiến lìa đường ác, chỉ hưởng các niềm vui.

Một đường là: nguyện tất cả chúng sanh không nhiễm một mảy bụi, không lập một pháp, lìa xa vọng tưởng chấp trước, khôi phục bản tánh Như Lai, sanh diệt bồng tiêu, tịch diệt làm vui, chứng đại niết-bàn, rốt ráo thành Phật.

Phàm phu ở thế giới Cực Lạc, tức là A-bệ-bạt-trí. Vô tình thuyết pháp, ao sen cây báu tuyên diễn pháp âm, hương quang tỏa khắp mười phương, lợi ích khắp tất cả chúng sanh, đủ mọi loại thứ vượt ngoài tình kiến, vô thượng hiếm có, tổng thể là không thể nghĩ bàn. Toàn bộ là cảnh giới Hoa Nghiêm không thể nghĩ bàn, một hạt bụi, một sợi lông trong nước Cực Lạc, mỗi mỗi đều viên minh vạn đức, viên mãn đầy đủ, viên dung vô ngại; quang minh thanh tịnh chiếu khắp mười phương, hết thấy diệu đức không gì là không đầy đủ. Đúng như trong Vãng Sanh Luận nói, ba loại trang nghiêm: Phật, Bồ-tát, cõi nước của thế giới Cực Lạc nhập vào một câu pháp, một câu pháp tức là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh tức là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Điều này cho thấy tất cả mọi thứ trong nước, toàn thể đều là trí tuệ và pháp thân Di-đà, cho nên là viên minh vạn đức, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật nhất.

Ba thứ chân thật của kinh này cùng với lời khai thị của Bồ-tát Thiên Thân, trong ngoài tương ưng, trong hô ngoài ứng. “Trụ trí tuệ chân thật... nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ” của đại sĩ Pháp Tạng, hợp với cách nói ba loại trang nghiêm đều nhập vào trí tuệ chân thật. Bến bờ chân thật mà kinh này khai hóa hiển thị chính là đồng với pháp thân vô vi, do vậy Cực Lạc là vi diệu cùng cực, vượt trội mười phương, ban cho hết thấy chúng sanh lợi ích chân thật, khiến khắp chúng sanh trụ chánh định tự, chứng bất thoái chuyển, khế ngộ vô sanh, nhất định thành Phật.

Đại nguyên của Di-đà hiển bày sâu cảnh giới lý sự vô ngại của Phật pháp Đại thừa. Bản thể của Cực Lạc là pháp thân vô vi, nhưng vạn vật trong nước vi diệu kỳ lệ, trang nghiêm vô tận, hơn nữa khiến khắp kẻ thấy người nghe đều được tăng thượng. Lý thể pháp thân vô vi hiển hiện ra vô lượng trang nghiêm, vô biên diệu dụng, đây chính là lý không trở ngại sự; hơn nữa nhân dân trong nước đều đến khắp mười phương cúng dường rộng lớn chư Phật, nhưng không mất định ý, làm Phật sự lớn, song vẫn ở trong định, đây là sự không trở ngại lý. Cảnh giới vi diệu của lý thể và sự tướng không trở ngại nhau, trải khắp toàn bộ nguyên và toàn bộ kinh.

Mỗi hoa mỗi hương, mỗi hạt bụi, mỗi sợi lông của Cực Lạc, đều viên minh vạn đức, chính là nét đặc trưng của Nhất chân pháp giới trong Hoa Nghiêm, cũng chính là tự tâm của Di-đà và của hành giả. Cảnh giới Cực Lạc không thể nghĩ bàn, đầy đủ mười huyền môn của Hoa Nghiêm, một và nhiều chính là nhau, lớn nhỏ hàm chứa nhau, rộng hẹp tự tại, kéo dài rút ngắn đồng thời.

Như trong lời nguyện đã nói, dùng các loại báu hợp thành một vật, là nhiều nhập vào một. Hương mà vật này tỏa ra, chỉ là một hạt hương, nhưng có thể tỏa khắp mười phương thế giới, là một nhập vào nhiều. Một có thể nhập vào nhiều, nhiều có thể nhập vào một, đây là một và nhiều chính là nhau; cõi nước Cực Lạc như gương, có thể chiếu vô lượng vô số thế giới chư Phật không thể nghĩ bàn khắp mười phương, đây là trong nhỏ chứa lớn. “Sự trang nghiêm thanh tịnh của cõi nước chư Phật” là rộng, “đều thấy ở nơi cây báu” là hẹp, đây là rộng hẹp tự tại; trong khoảng một niệm, “vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đi khắp mọi nơi cúng dường chư Phật”. Phật sự này cần phải nhiều kiếp mới có thể viên mãn, điều này đã đột phá thời gian, đây là kéo dài và rút ngắn đồng thời; cảnh giới Cực Lạc sâu xa huyền diệu, như một con sóng trong nước, bản thể của mỗi con sóng chỉ là nước, tất cả sóng đều ở trong bản thể của một con sóng, cho nên nói, một con sóng hàm chứa tất cả sóng, đây là một là tất cả, tất cả là một.

Chính vì một là tất cả, nên một câu danh hiệu Phật này đầy đủ tất cả công đức, tất cả diệu dụng của vô biên pháp môn Hiển, Mật, Thiền, Tịnh. Thế nên, phàm phu bị trói buộc chỉ cần tín nguyện trì danh, khi lâm chung tự nhiên được chư Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh. Sau khi sanh về cõi đó, tuy vẫn là phàm phu, nhưng đã chứng vị bất thoái; tuy có tội nặng chưa tiêu, nhưng chắc chắn không đọa ba đường ác. Hoa nở thấy Phật, thoáng chốc ngộ vô sanh, trong Thường tịch quang, nhất định

thành Phật. Đây đều là nhờ sáu chữ hồng danh viên minh vạn đức, biển nguyện Nhất thừa viên minh vạn đức.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Thật tướng không có hai, song cũng chẳng phải không hai. Vì vậy dùng toàn thể làm y báo, chánh báo, làm pháp, làm báo, làm tự, làm tha, cho đến người nói, pháp được nói, người độ, kẻ được độ, người tin, pháp được tin, người phát nguyện, điều được nguyện, người trì, danh hiệu được trì, người vãng sanh, cõi để sanh về, người khen ngợi, pháp được khen ngợi, thầy đều được chánh ấn của thật tướng in vào.” Do đó, một khi vào cửa Tịnh nghiệp, liền là biển lớn thật tướng, bất kể bạn bơi sấp hay bơi ngửa, bơi tự do hay bơi bướm, bơi sâu hay cạn, hướng về Đông hay hướng về Tây, hoặc chìm hoặc nổi, tóm lại, đều không rời biển lớn thật tướng, cũng chính là biển đại thế nguyện công đức của Di-đà, đồng thời cũng là biển tát-bà-nhã đại trí tuệ.

Chỉ cần tin sâu nguyện thiết, liền vào biển này, tức là đã vào biển công đức trí tuệ của Di-đà. Vượt ngoài tình kiến, ngôn ngữ loài người không thể tuyên nói, vọng tâm của chúng sanh vĩnh viễn không thể đo lường. Thế nhưng Di-đà Thế tôn đại ân đại đức, đặc biệt lập ra phương tiện, cứu độ rộng lớn, mở ra diệu môn này. Tất cả chúng sanh nghe danh hiệu Phật, tâm tin nhận sâu, thật thà niệm Phật, nguyện cùng chúng sanh đồng sanh Cực Lạc. Chỉ cần tâm này chân thật, người này tuy thân ở Ta-bà, nhưng đã được Di-đà nhiếp thọ, không còn thoái chuyển nữa. Đúng như kinh A-di-đà nói: “Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Phật A-di-đà, thì những người này, đều được bất thoái chuyển nơi A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.”

Trong thời gian tám buổi học, tôi đã phúc giảng xong kinh văn phẩm thứ sáu, có lẽ là lần phúc giảng thứ ba, nên dần dần khế nhập được cảnh giới, luôn có một cảm giác như đích thân bước vào cảnh giới đó, vẫn còn chút cảm giác muốn được tiếp tục.

Tiếp theo nói về cảm ngộ khi tôi phúc giảng kinh văn phẩm thứ sáu:

Cảm ngộ thứ nhất: tỳ-kheo Pháp Tạng và Thế Gian Tự Tại Vương Phật là tám gương đẹp nhất về “thầy trò đạo học”.

Đây là một cặp thầy trò khiến tôi ngưỡng mộ.

Trò giỏi gặp được thầy giỏi, thầy giỏi gặp được trò giỏi, duyên này quá thù thắng, đây là nhân duyên thù thắng trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Cặp thầy trò này chính là hình mẫu đẹp nhất về “thầy trò đạo học”.

Đây là một cặp thầy trò khiến tôi tôn kính.

Thầy là Thế Gian Tự Tại Vương Phật, là một nhà giáo dục tự nguyện, “trụ thế giáo hóa bốn mươi hai kiếp, vì chư thiên và người đời mà thuyết kinh giảng đạo”. Ngài là một vị minh sư có tu có chứng, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được.

Học trò là Thế Nhiều Vương, trong kinh nói: “Có vua một nước lớn tên là Thế Nhiều Vương, nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, liền phát tâm vô thượng bồ-đề, từ bỏ ngôi vua, trở thành sa-môn, hiệu là Pháp Tạng.” Từ đây tôi lĩnh ngộ ra rằng:

Một là cặp thầy trò này có duyên phận quá sâu, vừa gặp như đã quen, đây là duyên của nhiều đời nhiều kiếp, chứ không phải duyên của một đời một kiếp.

Hai là Thế Nhiều Vương nghe Thế Gian Tự Tại Vương Phật thuyết pháp, “hoan hỷ khai giải”. Bỗng nhiên tâm khai mở, đây chẳng phải là sáng tỏ nghĩa chân thật của Như Lai đó sao? Người thấu tỏ nghĩa chân thật của Như Lai là người như thế nào? Là người đã khai ngộ. Điều này khiến tôi nhớ đến đại sư Lục tổ Huệ Năng của Thiền tông, chỉ một câu “nên không trụ vào đâu mà sanh tâm” trong kinh Kim Cang, mà ngài đã đốn ngộ. Đại sư Huệ Năng và Thế Nhiều Vương là những nhân vật cùng một cảnh giới, cùng một trình độ, thật sự là Phật Phật đạo đồng.

Ba là sự chí thành cảm thông vô cùng quan trọng. Chỉ có chí thành mới có thể cảm thông. Theo thể hội của cá nhân tôi: Tâm của thầy và trò tương thông, giống như có một con đường xanh thông nhau đặc biệt được thiết lập. Thầy hiểu tâm tôi, tôi hiểu tâm thầy, sự thâm khế hợp đó chẳng thể diễn tả bằng lời.

Đây là một cặp thầy trò mà tôi phải gắng học tập theo.

Người xưa đã làm ra tấm gương cho chúng ta. Là người đi sau, chúng ta đương nhiên phải cố gắng học tập từ các ngài. Chúng ta phải vượt qua người xưa, phải làm tốt hơn người đi trước, đây là điều mà những người đi trước chúng ta mong đợi, các ngài mong thế hệ sau giỏi hơn thế hệ trước.

Tôi học tập cặp thầy trò này không phải là hô khẩu hiệu suông, mà phải dùng hành động để thực hiện.

Năm 2010, lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông gặp sư phụ, sư phụ dặn dò tôi: “Cô phải làm một tấm gương tốt cho mọi người.” Mười ba năm qua, tôi luôn khắc ghi lời dặn dò của sư phụ trong tâm, lúc nào cũng không dám quên, đồng thời bước từng bước chân trên đất để làm ra tấm gương tốt. Tôi bắt đầu từ bốn phương diện sau:

Thứ nhất, học tập thái độ cầu học của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Thái độ cầu học của ngài được khái quát bằng tám chữ: “Chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng.” Trong đây có ba từ then chốt: chí tâm, tinh tấn, không ngừng. Chí tâm chính là tâm chân thành đến tột cùng; tinh tấn tức là không giải đãi, chuyên tâm làm một việc; không ngừng tức là không ngừng nghỉ, không mệt không chán. Ba từ then chốt này đủ để chứng minh tỳ-kheo Pháp Tạng thật tâm cầu đạo.

Một ví dụ thực tế ngay trước mắt đủ để chúng ta tâm phục khẩu phục: thầy đã giáo hóa ngàn ức năm, trò đã học cả ngàn ức năm. Học cả ngàn ức năm, một người học trò với tấm lòng thành kính cầu đạo như vậy, liệu có thể tìm được người thứ hai không? Hiện nay học trò thật tâm cầu đạo rất khó gặp. Giống như năm xưa thầy Lý Bình Nam từng nói, học trò tìm thầy khó, thầy tìm học trò còn khó hơn.

Tôi nghe lão pháp sư giảng kinh thuyết pháp 23 năm, được sư phụ ngài công nhận, tuy tôi không có tâm cống cao ngã mạn, nhưng ít nhiều cũng có chút tự mãn. Lần thứ ba viết bài giảng về 48 nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng, tôi đã sanh khởi tâm hổ thẹn lớn. Tỳ-kheo Pháp Tạng chí tâm cầu đạo, dùng 48 đại nguyện mà ngài đã phát để cứu độ chúng sanh khổ nạn trong chín ngàn năm mạt pháp, giúp chúng sanh giải quyết vấn đề sanh tử. Tôi tự hỏi mình: “Người dùng tâm gì để cầu đạo? Người nghe lão pháp sư giảng kinh thuyết pháp 23 năm, mà chỉ nghe hiểu được 30%, người có tư cách gì để tự mãn?” Tôi hết sức xấu hổ, không có chỗ nào để chui vào. Đúng vậy, tôi lấy gì để cứu độ chúng sanh khổ nạn trong chín ngàn năm mạt pháp?

Thái độ cầu học của tỳ-kheo Pháp Tạng là tấm gương để tôi học tập. Tôi muốn trở thành một học trò giỏi như tỳ-kheo Pháp Tạng.

Thứ hai, học tập sự tôn sư trọng đạo của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Có thể nói, sự tôn sư trọng đạo của tỳ-kheo Pháp Tạng là số một trong lịch sử Phật giáo, ngài mãi mãi là tấm gương để người đời sau chúng ta học tập.

Vì sao tỳ-kheo Pháp Tạng có thể học được những thứ chân thật? Vì sao ngài có thể xây dựng nên thế giới Cực Lạc thù thắng không gì bằng? Vì tâm cầu pháp của ngài chân thành, bởi vì đối với lời giáo huấn của thầy, ngài đã một nghe, hai tin, ba làm theo, ngài y giáo phụng hành. Dùng lời hiện nay mà nói, đó chính là thật thà, nghe lời, thật làm.

Thành tựu của tỳ-kheo Pháp Tạng vượt qua cả thầy của mình là Thế Gian Tự Tại Vương Phật, nhưng ngài không có một chút tâm ngã mạn nào, sự lễ kính đối với thầy vẫn như cũ. Từ đâu có thể nhìn ra điều này? Từ sau khi ngài thành tựu, “đi đến chỗ Phật, đánh lễ quỳ gối, chấp tay hướng Phật, dùng kệ khen ngợi Phật”. Trong đây có mấy từ quan trọng đáng để chúng ta chú ý: đi đến, đánh lễ, quỳ gối, chấp tay, khen ngợi Phật.

Những từ này nói lên điều gì?

“Đi đến”, chữ “đến” này cho thấy sau khi thành tựu, tỳ-kheo Pháp Tạng lại quay về bên cạnh thầy là Thế Gian Tự Tại Vương Phật, đồng thời báo cáo tình hình xây dựng thế giới Cực Lạc với thầy. Ngài không phải là kẻ nghịch thầy phản đạo, vong ân phụ nghĩa. Ngài là một học trò biết cảm niệm ơn thầy.

“Đánh lễ quỳ gối”, đây là lễ tiết cao nhất trong Phật môn. Điều này cho thấy tuy thành tựu của tỳ-kheo Pháp Tạng đã vượt qua thầy, nhưng ngài vẫn khiêm tốn, hạ mình, sự lễ kính đối với thầy không mảy may suy giảm. Thầy mãi mãi là thầy, trò mãi mãi là trò, trò mãi mãi không thể đứng trên thầy. Tỳ-kheo Pháp Tạng đã làm được điều đó, ngài là một học trò ngoan, hiểu quy củ, giữ quy củ.

“Chấp tay, khen ngợi Phật”, từ đáy lòng ngài tán thán thầy của mình là Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Ngài đã thành tựu thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngài không quy công lao về mình, ngài biết, thành tựu của mình không thể thiếu sự giúp đỡ, chỉ dạy và gia trì của thầy. Ngài là một học trò ngoan, có lương tâm, biết cảm ơn. Ngài là tấm gương để tôi học tập.

Tôn sư trọng đạo là đức tính truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa. Chúng ta phải truyền lại đức tính tốt đẹp này qua các thế hệ, chúng ta phải để tinh thần tôn sư trọng đạo của tỳ-kheo Pháp Tạng mãi mãi được lưu truyền. Đặc biệt là Phật môn hiện nay, càng cần đến tinh thần tôn sư trọng đạo này.

Tôn sư trọng đạo rất quan trọng,

Học Phật phải ghi nhớ kỹ càng.
Nếu không trọng đạo, chẳng kính thầy,
Làm sao bạn đắc được đạo lớn?

Thứ ba, học tập tình thương bao la của Thế Gian Tự Tại Vương Phật đối với học trò.

Thế Gian Tự Tại Vương Phật gặp được một học trò thật tâm cầu đạo, như được báu vật, yêu quý không rời tay. Tình thương của ngài đối với tỳ-kheo Pháp Tạng là tình thương bao la vô tư, không cầu báo đáp.

Huệ nhãn của Thế Gian Tự Tại Vương Phật biết được người tài, ngài biết tỳ-kheo Pháp Tạng là một bậc pháp khí hiếm có. Ngài dốc toàn lực giúp tỳ-kheo Pháp Tạng thành tựu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là việc mà ngài yêu thích nhất trong đời.

Thời gian giảng dạy của Thế Gian Tự Tại Vương Phật lâu dài, khiến người kinh ngạc! Người thầy như thế nào có thể dạy cả ngàn ức năm? Phương pháp dạy học mang tính khai mở của ngài, khiến chúng ta ngày nay vỗ bàn khen tuyệt. Cách dạy học dùng ba chữ “tự” thật sự hiển bày phương pháp giảng dạy cao diệu không gì tuyệt hơn của một vị thầy giỏi. “Ông tự tư duy”, “ông phải tự biết”, “ông nên tự nhiếp”, phương pháp dạy học này cho dù áp dụng vào ngày nay cũng không lỗi thời! Cổ thánh tiên hiền có quá nhiều điều hay đáng để chúng ta học tập.

Thứ tư, bắt đầu từ bản thân, tìm lại “thầy trò đạo học”, đời đời truyền thừa.

Việc may mắn nhất trong đời tôi, chính là gặp được ân sư của tôi - lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Chính lão pháp sư đã cứu sinh mạng tôi, ban cho tôi huệ mạng, ơn thầy khó quên, ơn thầy khó báo. Hôm nay viết bài giảng, có một ý nghĩa đặc biệt, vì đây là ngày kỷ niệm một năm viên tịch của vị ân sư mà tôi kính trọng và yêu mến: lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Cũng chính trong ngày này, một người nhỏ bé như tôi đã làm được một việc lớn: Ân sư của tôi đã lá rụng về cội, tâm nguyện cuối đời của ngài đã viên mãn. Mặc dù tôi cố gắng kiềm chế cảm xúc không để lộ ra, nhưng niềm vui trong tâm vẫn không kìm được mà trào dâng. Hãy để mặc nó, cứ để chân tình thỏa sức tuôn trào! Trong xã hội ngày nay, loại chân tình như thế này khó tìm ra được.

Tôi đã tìm lại được “thầy trò đạo học” rồi.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phậ!